

— Những đơn vị đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước với tỷ lệ tương đối cao, có thành tích toàn diện, có thể được đề nghị thưởng huân chương Lao động hạng nhì.

— Những đơn vị đã hoàn thành kế hoạch vượt mức Nhà nước với tỷ lệ cao, có thành tích xuất sắc toàn diện, có thể được đề nghị thưởng huân chương Lao động hạng nhất.

b. Đối với cá nhân, vì mới có thành tích năm đầu của kế hoạch Nhà nước 5 năm, nên hình thức khen thưởng chủ yếu là bằng khen. Những chiến sĩ thi đua đều được cấp bằng khen của Ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố hoặc của Bộ. Những người có thành tích xuất sắc có thể được đề nghị thưởng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch nước, người có thành tích xuất sắc hơn có thể được đề nghị thưởng huân chương Lao động.

Những chiến sĩ thi đua được lựa chọn đi dự Đại hội Liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 nói chung là những người có thành tích xuất sắc của các ngành có thể được đề nghị thưởng từ bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đến huân chương Lao động hạng nhất.

3) Khi xét thành tích một đơn vị hay một cá nhân thì ngoài việc xét xem có hoàn thành hay không các chỉ tiêu của kế hoạch về sản xuất, về công tác và việc xét các sáng chế phát minh, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cần phải chú ý xét đến các mặt khác như: bảo đảm an toàn lao động, bảo đảm an toàn thiết bị, chấp hành các chính sách, tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, v.v...

Vì điều kiện sản xuất và công tác thực tế giữa các đơn vị có nhiều điểm khác nhau, cho nên khi vận dụng các tiêu chuẩn cần chú ý đến một yếu tố nữa là: tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn để đẩy mạnh sản xuất và công tác.

III. THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ

1. Đề nghị của các tỉnh gửi lên Phủ Thủ tướng phải đồng thời gửi đến các Bộ sở quan để xác nhận thành tích về mặt chuyên môn để cân đối về số lượng và mức độ đề nghị khen thưởng đối với những đơn vị và cá nhân cùng ngành trong toàn quốc. Ý kiến của Ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố và ý kiến của Bộ cần được thống nhất trước khi đề nghị lên Phủ Thủ tướng. Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau thì phải báo cáo lên Phủ Thủ tướng giải quyết.

2. Đề nghị của Bộ phải có tờ trình nêu rõ:

— Tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước của ngành,

— Tiêu chuẩn khen thưởng cụ thể đề ra cho ngành thuộc Bộ,

— Tình hình đề nghị của các địa phương. Các nhận xét và có sự uốn nắn của Bộ,

— Số lượng đơn vị và cá nhân được thưởng bằng

khen của Bộ và của Ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố.

— Số lượng đơn vị và cá nhân được đề nghị thưởng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch nước và huân chương.

Các bản kê khai thành tích phải làm theo mẫu thống nhất kèm theo. Trường hợp đề nghị khen thưởng cho nhiều người thì phải có bản thống kê chia ra từng loại cán bộ, nam, nữ, dân tộc, v.v...

3. Các đề nghị phải gửi dần lên Phủ Thủ tướng và chậm nhất là trước ngày 15 tháng 4 năm 1962 để có thể hoàn thành công tác khen thưởng thành tích thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1961 vào tháng 5 năm 1962.

4. Riêng đối với những đơn vị điển hình và những người được lựa chọn đi dự Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 thì các Ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố và Bộ gửi đề nghị thẳng lên Ban lãnh đạo Đại hội trung ương (Ban Trù bị khối) trước ngày 20 tháng 3 năm 1962 để xét và đề nghị lên Hội đồng Chính phủ và Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Để việc khen thưởng được chính xác, các ngành, các cấp cần phải thẩm tra chu đáo thành tích của các đơn vị và cá nhân trước khi gửi đề nghị lên cấp trên.

Nhận được thông tư này, yêu cầu các Bộ, các Ủy ban hành chính tỉnh, khu, thành phố đặt ngay kế hoạch cụ thể hướng dẫn các cấp dưới thi hành để kịp thời khen thưởng cho những đại biểu được cử đi dự Đại hội liên hoan anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ 3 trong khi tiến hành đại hội và để hoàn thành công tác khen thưởng thành tích thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1961 vào tháng 5 năm 1962.

Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 1962

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LE THÀNH NGHỊ

THÔNG TƯ số 28-TTg ngày 5-3-1962 hướng dẫn việc ký kết hợp đồng kinh tế.

Kính gửi: Các Bộ, Tổng cục,
Các Ủy ban hành chính, khu, thành, tỉnh.

Để xúc tiến việc ký kết hợp đồng kinh tế năm 1962 được nhanh chóng và kịp thời, bảo đảm thực hiện toàn diện và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, phù hợp với sự phân công mới hiện nay cho các Bộ, Tổng cục, các địa phương trong sản xuất, xây dựng, Hội đồng trọng tài trung ương hướng dẫn

các Bộ, Tổng cục, các địa phương ký kết hợp đồng kinh tế như sau:

1. Vật tư kỹ thuật nhập từ nước ngoài vào bao gồm toàn bộ kim loại, thiết bị máy móc thông dụng, vòng bi, dây quấn mô-tơ, xăng, dầu, mỡ, than, xam lốp. Tất cả các loại này do Tổng cục vật tư đại diện các Bộ tổng hợp nhu cầu theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, ký kết hợp đồng nguyên tắc nhập hàng với Bộ Ngoại thương và ký kết hợp đồng nguyên tắc phân phối hàng với các Bộ có yêu cầu đã được Nhà nước xét duyệt. Các cơ sở của các Bộ ký hợp đồng cụ thể với các cơ sở của Tổng cục vật tư.

2. Đối với nhiên liệu, vật liệu, kim khí, thiết bị sản xuất trong nước do Nhà nước quản lý và phân phối, đã quy định trong thông tư số 300 - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20 tháng 7 năm 1961, thì Tổng cục Vật tư có trách nhiệm cung cấp cho các đơn vị sử dụng theo kế hoạch phân phối của Nhà nước. Nhưng trong năm nay, dựa theo thực tế và tình hình tổ chức hiện tại của Tổng cục Vật tư, và để tranh thủ thời gian ký kết hợp đồng chờ sớm thì tạm thời quy định như sau:

— Tổng cục Vật tư ký hợp đồng nguyên tắc với cơ quan sản xuất để mua than, ciment, thiếc, gang và ký hợp đồng nguyên tắc với các cơ quan, các ngành, các địa phương (kể cả nhu cầu của nhân dân) được phân phối theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

Các kim khí, vật liệu khác cũng như các thiết bị thông dụng sản xuất trong nước thì các cơ quan có yêu cầu ký hợp đồng nguyên tắc với các cơ quan sản xuất trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch đã được duyệt và do Tổng cục Vật tư phân phối.

3. Về thiết bị chuyên dụng thuộc loại sản xuất trong nước thì các cơ quan có yêu cầu trực tiếp ký kết với các cơ sở sản xuất; thuộc loại nhập ngoài nước thì ký trực tiếp với Bộ Ngoại thương.

4. Những nguyên liệu vật liệu không thuộc Nhà nước quản lý phân phối mà cần phải nhập theo kế hoạch đã được duyệt thì các cơ quan có yêu cầu ký kết với Bộ Ngoại thương.

Tổng cục Vật tư ký với các tỉnh cung cấp kim khí phục vụ sản xuất, phục vụ xây dựng cơ bản của địa phương.

Kim khí dùng cho sản xuất công nghệ phẩm do Bộ Nội thương gia công và kim khí bán cho nhân dân thì Tổng cục vật tư ký nguyên tắc với Bộ Nội thương và Bộ Nội thương ký nguyên tắc với các tỉnh.

5. Xăng dầu: đối với việc cung cấp cho các cơ quan trung ương và cung cấp cho địa phương thì Tổng cục Vật tư ký hợp đồng nguyên tắc với các Bộ, các Tổng cục, các địa phương.

6. Gỗ: Các Ủy ban hành chính địa phương ký hợp đồng nguyên tắc với Tổng cục Lâm nghiệp về khai thác, và cung cấp gỗ tròn, về trồng rừng và tu bổ rừng theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

— Tổng cục Lâm nghiệp ký với các cơ quan trung ương về cung cấp gỗ tròn theo chỉ tiêu kế

hoạch Nhà nước do Tổng cục Vật tư phân phối. Đối với gỗ xẻ thì các cơ quan có yêu cầu kể cả ở trung ương và địa phương đều ký với Bộ Công nghiệp nhẹ theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước.

7. Gạch, ngói, cát, sỏi, đá: các cơ quan có yêu cầu kể cả trung ương và địa phương đều ký với Bộ Kiến trúc trừ các đơn vị được Nhà nước cho phép tự sản xuất để dùng.

8. Vật liệu xây dựng như gạch, ngói, vôi, cát, đá, sỏi, gỗ, tre, nứa, lá, củi, than củi, song mây, đồ gỗ bán lẻ cho nhân dân và cơ quan, Bộ Nội thương ký hợp đồng nguyên tắc với Bộ Kiến trúc và Tổng cục Lâm nghiệp để mua và ký nguyên tắc với các tỉnh để bán.

Xuất khẩu

Đề bảo đảm việc xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước đã được duyệt, Bộ Ngoại thương ký trực tiếp với các Bộ sản xuất để lấy hàng xuất khẩu. Ký với Bộ Nội thương để nhận nông phẩm thu mua xuất khẩu, ký với Tổng cục Lương thực để xuất lương thực ký với Tổng cục thủy sản để xuất hàng thủy sản, ký với Tổng cục Lâm nghiệp để xuất gỗ, củi, tre...

Về xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, thu mua và cung cấp hàng tiêu dùng cho địa phương, việc ký kết vẫn tiến hành như năm 1961.

Theo sự hướng dẫn ký kết hợp đồng nguyên tắc các loại hợp đồng kinh tế đã nói trên, các Bộ, các Tổng cục, các địa phương dựa vào hệ thống tổ chức của mình để quy định việc ký kết hợp đồng cụ thể cho các đơn vị trực thuộc.

Các Bộ các Tổng cục, các địa phương cần khẩn trương liên hệ với nhau để xúc tiến việc ký kết hợp đồng nguyên tắc theo chỉ tiêu đã ban hành chính thức và trên cơ sở đó xúc tiến việc ký kết hợp đồng cụ thể toàn năm, bảo đảm đúng thời gian Nhà nước đã quy định (hợp đồng nguyên tắc phải ký xong trong vòng 30 ngày, hợp đồng cụ thể trong vòng 90 ngày sau khi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước chính thức ban hành). Trong tình hình hiện nay, các hợp đồng nguyên tắc phải ký xong trong tháng 3 năm 1962, các loại hợp đồng cụ thể phải xong chậm nhất là đến ngày 15 tháng 5 năm 1962. Hết tháng 3, mà nơi nào chưa ký được sẽ phải kiểm điểm. Để việc ký kết được nhanh chóng, thì các bộ, các Tổng cục, các địa phương ký kết với nhau trên cơ sở những chỉ tiêu đã thống nhất đến đâu thì sẽ ký đến đó, không vì mắc mưu một vài chỉ tiêu mà toàn bộ hợp đồng không ký kết được. Những chỉ tiêu còn khó khăn thì 2 bên ký kết sẽ tiếp tục hàn bạc để thống nhất và sau khi thống nhất rồi sẽ ký những phụ lục hợp đồng bổ sung.

Năm nay việc thi hành chế độ hợp đồng kinh tế phải được nghiêm chỉnh và hết sức khẩn trương trên cơ sở thực sự phát huy tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa để tương trợ, giúp đỡ nhau hoàn thành toàn diện, và vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế trong nội bộ của ngành, của địa phương, của Bộ cũng cần xúc tiến đầy đủ và nghiêm chỉnh. Các hợp đồng nguyên tắc và cụ thể ký trong nội bộ của ngành, của địa phương, của Bộ không phải gửi lên Hội đồng trọng tài trung ương.

Đề giúp Hội đồng trọng tài trung ương nắm được những mắc mứu khó khăn trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, để kịp thời báo cáo và đề nghị Chính phủ có những biện pháp giải quyết, yêu cầu các ông Bộ trưởng, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh chú ý lãnh đạo tốt việc ký kết và phản ánh tình hình một cách đầy đủ chính xác và kịp thời về Phủ Thủ tướng.

Hà nội, ngày 5 tháng 3 năm 1962

Phó Thủ tướng

Chủ tịch Hội đồng trọng tài trung ương

LÊ THÀNH NGHỊ

THÔNG TƯ số 29-TTg ngày 5-3-1962 quy định chi tiết thi hành pháp lệnh về việc tặng thưởng Huân chương và Huy chương Chiến sĩ vẻ vang.

Ngày 12 tháng 9 năm 1961, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ra pháp lệnh đặt huân chương và huy chương Chiến sĩ vẻ vang để tặng thưởng cho cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang. Pháp lệnh này đã được công bố do lệnh của Chủ tịch nước Việt nam dân chủ cộng hòa số 52-LCT ngày 16 tháng 9 năm 1961. Thông tư này quy định các chi tiết và thể thức thi hành pháp lệnh ấy:

I. Ý NGHĨA, MỤC ĐÍCH VIỆC KHEN THƯỞNG

Từ ngày hòa bình lập lại, cuộc cách mạng của nhân dân ta ở miền Bắc đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang cũng chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang tiến dần lên chính quy và hiện đại để bảo vệ lãnh thổ của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân miền Bắc, làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ và được sự giúp đỡ của nhân dân, Quân đội và Công an nhân dân vũ trang đã lập được nhiều thành tích to lớn.

Để biểu dương những thành tích ấy, Ủy ban thường vụ Quốc hội đặt ra huân chương và huy chương Chiến sĩ vẻ vang để khen thưởng những

cán bộ và chiến sĩ đã phục vụ tại ngũ lâu năm, góp phần vào việc xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang. Việc khen thưởng này cũng nhằm đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân, phát huy truyền thống tốt đẹp của các lực lượng vũ trang cách mạng, góp phần tích cực của mình hơn nữa vào việc xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chính quy hiện đại, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và hoàn thành tốt mọi công tác của Quân đội và Công an nhân dân vũ trang.

II. ĐỐI TƯỢNG KHEN THƯỞNG

Đối tượng được thưởng huân chương và huy chương Chiến sĩ vẻ vang, theo quy định của pháp lệnh, là cán bộ và chiến sĩ của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang, bao gồm những quân nhân tình nguyện, quân nhân làm nghĩa vụ quân sự, quân nhân đăng lại và quân nhân chuyên nghiệp đang phục vụ tại ngũ, quân nhân đã được phục viên hay chuyển ngành sau thời gian tại ngũ, quân nhân đã chết (quân nhân tử trận và liệt sĩ).

III. ĐIỀU KIỆN KHEN THƯỞNG

Theo pháp lệnh, huân chương và huy chương Chiến sĩ vẻ vang tặng thưởng cho những cán bộ và chiến sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang có đủ những điều kiện như sau:

— Sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã phục vụ tại ngũ liên tục trong một thời gian nhất định.

— Đã tích cực công tác và học tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ.

— Trung thành với cách mạng và không phạm sai lầm lớn trong thời gian tại ngũ cũng như sau khi đã xuất ngũ.

A. Về thời gian phục vụ:

Huân chương và huy chương Chiến sĩ vẻ vang tặng thưởng cho những cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang đã hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ trong từng thời gian nhất định.

1. Đối với những cán bộ và chiến sĩ nhập ngũ trong thời kỳ kháng chiến thì tính thời gian phục vụ để khen thưởng kể từ ngày 21 tháng 7 năm 1954. Đối với những người nhập ngũ sau ngày hòa bình được lập lại thì tính thời gian ấy kể từ ngày nhập ngũ trở đi. Sau mỗi thời hạn 5 năm tại ngũ thì xét khen thưởng một lần.

2. Đối với quân nhân phục vụ theo luật nghĩa vụ quân sự thì căn cứ vào thời gian hoàn thành nghĩa vụ tại ngũ là 2, 3 hoặc 4 năm để xét khen thưởng. Việc xét khen thưởng này tiến hành vào lúc sắp xuất ngũ (chuyển sang phục vụ theo chế độ công nhân viên Quốc phòng, đi nhận công tác khác ở các ngành dân chính hoặc về nhà làm ăn).